# Phụ lục XII

# CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI HÀNG RÀO, CỔNG, CỬA, RÀO CHẮN,

# HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG, CA-ME-RA GIÁM SÁT, BỐT GÁC, ĐƯỜNG TUẦN TRA TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY, CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG

# *(Ban hành kèm theo Thông tư số /2019/TT-BGTVT ngày / /2019 của*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**1. Yêu cầu chung về hàng rào an ninh hàng không**

1.1. Hàng rào an ninh hàng không (sau đây gọi tắt là hàng rào) phải được xây dựng phù hợp với quy hoạch tổng thể của cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ đảm bảo hoạt động bay và các công trình hàng không khác.

1.2. Hàng rào phải bảo đảm các yêu cầu chung sau đây:

a) Khó leo trèo; không dễ bị uốn cong, bẻ gãy, ngăn chặn được người, gia súc xâm nhập qua hàng rào; không làm nhiễu loạn tín hiệu điều hành bay của các đài, trạm phục vụ hoạt động bay tại cảng hàng không, sân bay;

b) Chiều cao của hàng rào từ mặt đất tối thiểu là 2,45 mét. Trong đó phần thân hàng rào cao tối thiểu là 2,15 mét, phần ngọn cao tối thiểu 0,30 mét. Trong trường hợp chiều cao hàng rào ảnh hưởng đến an toàn bay, chiều cao hàng rào có thể được xây dựng thấp hơn nhưng phải có biện pháp kiểm soát an ninh bổ sung để đảm bảo yêu cầu về bảo đảm an ninh;

c) Hàng rào ngăn cách giữa khu vực công cộng và khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay; cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu; cơ sở sửa chữa bảo dưỡng tàu bay phải có có hệ thống cảm biến phát hiện, cảnh báo xâm nhập, hệ thống ca-me-ra giám sát an ninh hàng không và hệ thống đèn chiếu sáng;

d) Đối với mương, cống thoát nước xuyên qua hàng rào: phải lắp đặt lưới kim loại, bảo đảm việc tiêu nước và ngăn cản được người và gia súc xâm nhập vào sân bay;

đ) Bên trong hàng rào ngăn cách giữa khu vực công cộng và khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay có khoảng trống tối thiểu là 03 mét sử dụng làm đường tuần tra, trừ trường hợp bất khả kháng; trường hợp đường tuần tra làm bên trong hàng rào, bên ngoài hàng rào có khoảng trống tối thiểu là 02 mét;

e) Căn cứ vào các yêu cầu về an ninh và mỹ quan của cảng hàng không, sân bay hay khu vực cần bảo vệ, có thể sử dụng một hoặc kết hợp nhiều loại, một hoặc nhiều lớp hàng rào khác nhau cho thích hợp;

g) Không bị che khuất tầm nhìn bởi các loại chướng ngại vật.

**2. Các loại hàng rào**

2.1. Hàng rào dây kim loại bao gồm hàng rào lưới dây kẽm gai và hàng rào lưới dây kim loại trơn (lưới B40).

2.2. Hàng rào tường xây bằng các loại vật liệu như gạch, đá, bê tông áp dụng cho những khu vực của cảng hàng không, sân bay tiếp giáp với khu dân cư, nhà xưởng.

2.3. Hàng rào song sắt áp dụng cho những khu vực cần mỹ quan; phần tiếp xúc với mặt đất xây bằng gạch, bê tông hoặc đá, phần trên là song sắt.

**3. Yêu cầu kỹ thuật hàng rào**

3.1. Hàng rào dây kim loại

3.1.1. Dây kim loại làm hàng rào có đường kính tối thiểu là 2,5 mi-li-mét. Các dây đan với nhau hình vuông hoặc mắt cáo, kích thước các lỗ của hàng rào tối đa không quá 12 cen-ti-mét x 12 cen-ti-mét.

3.1.2. Chân hàng rào xây bằng gạch, bê tông hoặc đá. Cột trụ bằng sắt hoặc bê tông cốt thép khoảng cách giữa hai cột trụ không quá 03 mét. Thân hàng rào là các tấm lưới đan gắn vào các cột trụ. Phần ngọn hàng rào sử dụng dây kẽm gai đơn, lưới kẽm gai hoặc các cuộn dây kẽm gai, nghiêng 45o hướng ra phía ngoài.

3.2. Hàng rào tường xây

3.2.1. Phần thân là tường xây, đối với trụ bê tông rộng tối thiểu 20 cen-ti-mét, hàng rào cao tối thiểu 2,15 mét. Phần ngọn cao tối thiểu 0,30 mét là dây kẽm gai đơn hoặc các cuộn dây kẽm gai, nghiêng 45o hướng ra phía ngoài.

3.2.2. Phần ngọn hàng rào là dây kẽm gai đơn, lưới hoặc cuộn có đường kính dây tối thiểu là 2,5 mi-li-mét.

3.3. Hàng rào song sắt

3.3.1. Khoảng cách giữa hai song sắt tối đa không quá 15 cen-ti-mét. Chiều cao phần thân tối thiểu là 2,15 mét. Phần ngọn của song sắt nhọn hình mũi mác cao tối thiểu 0,30 mét, nghiêng 45o hướng ra phía ngoài.

3.3.2. Kích thước song sắt

a) Loại sắt đặc tròn: đường kính tối thiểu 14 mi-li-mét;

b) Loại sắt đặc vuông: kích thước tối thiểu 14 mi-li-mét x 14 mi-li-mét;

c) Loại sắt hộp: kích thước tối thiểu là 20 mi-li-mét x 20 mi-li-mét.

3.4. Hàng rào chắn mương, cống thoát nước: khoảng cách giữa hai thanh sắt tối đa không quá 15 cen-ti-mét; kích thước thanh sắt đường kính tối thiểu 14 mi-li-mét.

**4. Bốt gác, đường tuần tra**

4.1. Bốt gác.

4.1.1. Bốt gác được bố trí tại các cổng ra, vào và dọc theo hàng rào vành đai cảng hàng không, sân bay, cơ sở bảo đảm hoạt động bay và các khu vực hạn chế khác, trừ khu vực hạn chế trong nhà ga. Khoảng cách giữa hai bốt gác liền kề bảo đảm cho nhân viên tại hai bốt gác có thể quan sát khép kín và kiểm soát được tình hình ở những đoạn hàng rào chuyển hướng.

4.1.2. Khi thiết kế, xây dựng bốt gác phải bảo đảm hạn chế được tác động xấu của thời tiết đối với sức khỏe của nhân viên làm nhiệm vụ canh gác tại đó.

4.1.3. Bốt gác phải có cửa quan sát được tất cả các hướng, có thể lắp kính trong suốt để chắn được mưa, gió. Bốt gác được đặt thấp hoặc cao tùy theo địa hình của cảng hàng không, sân bay, cơ sở bảo đảm hoạt động bay, khu vực hạn chế khác và yêu cầu bảo vệ.

a) Bốt gác đặt thấp: sàn của bốt gác cao tối thiểu 50 cen-ti-mét so với mặt đất;

b) Bốt gác đặt cao: sàn của bốt gác cao tối thiểu 2,13 mét so với mặt đất.

4.2. Đường tuần tra: chiều rộng của mặt đường tuần tra tối thiểu 03 mét và liền kề với hàng rào (áp dụng cho hàng rào an ninh hàng không sân bay, trừ trường hợp bất khả kháng).

**5. Cổng, rào chắn, cửa**

5.1. Hạn chế tối đa cổng, cửa dành cho phương tiện hoặc người vào, ra các khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay và các khu vực hạn chế khác.

5.2. Cổng ra, vào khu vực hạn chế phải bảo đảm các yêu cầu sau:

5.2.1. Cổng dùng cho phương tiện: trụ cổng phải xây bảo đảm vững chắc; cánh cổng làm bằng kim loại hoặc vật liệu bền vững khác và ngăn cản được việc đối tượng sử dụng phương tiện lao qua cổng, chiều cao của cánh cổng tối thiểu phải cao bằng chiều cao của hàng rào.

5.2.2. Cổng dành cho người ra, vào khu vực hạn chế: bố trí hệ thống thiết bị kiểm tra, soi chiếu (áp dụng đối với cảng hàng không quốc tế).

5.2.3. Có giám sát của nhân viên kiểm soát an ninh hàng không, bảo vệ của cơ quan, doanh nghiệp hoặc giám sát bằng thiết bị.

5.3. Rào chắn: cổng ra, vào khu vực hạn chế dùng cho phương tiện trong trường hợp không có cánh cổng phải có rào chắn. Trụ rào chắn phải xây bảo đảm vững chắc. Rào chắn phải làm bằng ống kim loại với đường kính tối thiểu 60 mi-li-mét. Chiều cao từ mặt đất đến mép trên của rào chắn là 01 mét.

5.4. Cửa ra, vào khu vực hạn chế phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

5.4.1. Các cửa từ nhà ga thông ra sân đỗ tàu bay: trụ và cánh cửa phải chắc chắn, có khóa an toàn bảo đảm độ kín, khít; bảo đảm không có dụng cụ hỗ trợ không thể phá được cửa.

5.4.2. Cửa dành cho nhân viên nội bộ ra, vào các khu vực hạn chế của nhà ga: bố trí hệ thống thiết bị kiểm tra, soi chiếu; (áp dụng đối với cảng hàng không quốc tế).

5.5. Cổng, cửa từ khu vực công cộng vào khu vực hạn chế phải có hệ thống đèn chiếu sáng và hệ thống ca-me-ra giám sát.

**6. Hệ thống chiếu sáng, ca-me-ra giám sát**

6.1. Hệ thống chiếu sáng hàng rào và các cổng, cửa ra, vào phải bố trí hợp lý, độ chiếu sáng phải đủ để kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện và phát hiện đột nhập vào ban đêm nhưng không làm chói loá gây khó khăn cho việc quan sát khi tuần tra và cho các hoạt động khác.

6.2. Độ rọi tối thiểu của ánh sáng tại mặt đất là:

6.2.1. Phía bên ngoài của những cơ sở quan trọng và những điểm trọng yếu là 10 lux; hàng rào ngay cạnh những khu vực hoạt động là 04 lux, ở khu vực tách biệt với khu vực hoạt động là 02 lux.

6.2.2. Cổng sử dụng cho phương tiện ra, vào là 10 lux; cổng sử dụng cho người ra, vào là 20 lux.

6.3. Hệ thống chiếu sáng hàng rào, cổng, cửa phải có nguồn điện dự trữ đề phòng sự cố mất điện.

6.4. Hệ thống ca-me-ra giám sát phải đáp ứng các yêu cầu:

a) Quan sát cả ban ngày, ban đêm và khi thời tiết xấu;

b) Ghi và lưu lại hình ảnh rõ nét;

c) Quan sát được ngay lập tức khi có thông tin cảnh báo xâm nhập, vi phạm;

d) Không có điểm bị che khuất tầm quan sát.

6.5. Các cảng hàng không, sân bay phải có hệ thống ca-me-ra bao quát được toàn bộ hàng rào vành đai; các điểm kiểm tra an ninh hàng không; các khu vực hạn chế; khu vực công cộng tại nhà ga; đường giao thông ngay trước cửa nhà ga.

6.6. Cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu, cơ sở bảo dưỡng sửa chữa tàu bay, cơ sở sản xuất, cung cấp suất ăn, cơ sở cung cấp nhiên liệu cho tàu bay, cơ sở xử lý hàng hóa bưu gửi đưa lên tàu bay phải có hệ thống ca-me-ra bao quát được toàn bộ các điểm kiểm tra an ninh hàng không; các khu vực hạn chế.